

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-02-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chúc Ngân

Ông Nguyễn Thành Lam

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Văn Thị D, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 4, ấp H, xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Thanh H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 4, ấp H, xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Vắng mặt)

3. Người làm chứng:

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1955; Địa chỉ: Tổ 14, ấp H, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Chị Bùi Thị Yến N, sinh năm 2001; Địa chỉ: Tổ 4, ấp H, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Văn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị D và anh Bùi Thanh H quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tự nguyện kết hôn, anh H và chị D được UBND xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/5/2002. Đây là hôn nhân lần đầu của chị D.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị D sinh sống ở gia đình nhà chồng tại địa chỉ ấp Hưng Nghĩa, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Đến khoảng năm 2006 thì chị D và anh H dọn ra ở riêng tại địa chỉ tổ 4, ấp Hưng Thạnh, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi kết hôn, cuộc sống của vợ chồng chị D vẫn hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2005 thì chị D và anh H bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng anh H có bản tính gia trưởng, thường hay nóng tính và có hành vi chửi bới, đánh đập, bạo hành gia đình đối với chị D. Ngoài ra, anh H không lo làm ăn chăm lo cho gia đình, vợ con, cuộc sống gia đình một mình chị D phải gánh vác. Mâu thuẫn vợ chồng phía gia đình hai bên và nội bộ trong gia đình (trong đó có các con của chị D) đều nắm được. Vì thương con còn nhỏ nên chị D luôn chịu đựng để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, anh H vẫn không thay đổi mà ngày càng quá đáng hơn. Từ tháng 9/2024, mặc dù chị D và anh H còn sống chung nhà nhưng vợ không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh Bùi Thanh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là các cháu Bùi Thị Yến N, sinh ngày 16/9/2001; cháu Bùi Thị Yến N, sinh ngày 16/9/2001 và cháu Bùi Văn Gia H, sinh ngày 22/5/2010, hiện các con đều đang sống chung với vợ chồng chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hiệp. Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Như và cháu Nhi đã thành niên và có khả năng lao động nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Văn Thị D khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Bùi Thanh H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do) nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Văn Thị D và anh Bùi Thanh H được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Văn Gia Hiệp, sinh ngày 22/5/2010 cho chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn đang cư trú tại xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do). Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội D vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Văn Thị D và anh Bùi Thanh H tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/5/2002, căn cứ Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, nhận thấy: Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị D và anh H mặc dù còn sống chung nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân nhau từ khoảng tháng 09/2024 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Do quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nhưng chị D và anh H đều không trình báo nên chính quyền địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa các bên, tuy nhiên lời khai của chị D mặc dù không được anh H thừa nhận nhưng phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như lời khai của người làm chứng – bà Lê Thị T: “... Trong quá trình chung sống, giữa anh H và chị D cũng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh H vì thương vợ con nên

thường xuyên ghen tuông vô cớ và có hành vi bạo lực gia đình đối với chị D khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ngoài ra, chị D còn gây nợ nần khiến anh H phải gánh vác về mặt kinh tế và trả nợ thay chị ... ” và người làm chứng – chị Bùi Thị Yến N: “... Trong quá trình chung sống, giữa ba mẹ tôi thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau, thậm chí có lần tôi còn thấy ba có hành vi bạo hành gia đình với mẹ tôi. Sự việc này chỉ có gia đình nhà tôi nắm được và không trình báo chính quyền địa phương. Nguyên nhân của việc mâu thuẫn xuất phát từ việc ba tôi không lo làm ăn, thường xuyên chơi bời với bạn bè, không quan tâm chăm lo gia đình, vợ con và có bản tính gia trưởng. Sau mỗi lần mẹ tôi khuyên nhủ thì ba lại có hành vi xúc phạm và bạo lực gia đình đối với mẹ. Mặc dù hiện nay ba và mẹ còn sống chung nhà, tuy nhiên, cả hai đã sống ly thân nhau khoảng 03 tháng nay (khoảng từ tháng 09/2024 đến nay) và không còn quan tâm, nói chuyện nhau nữa. Ba tôi thường xuyên bỏ nhau đi chơi đến chiều mới về...”. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng anh H đều không đến thể hiện việc anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị D.

Từ các phân tích trên, xét mâu thuẫn giữa chị D và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị D và anh H có ba con chung là các cháu Bùi Thị Yến Như, sinh ngày 16/9/2001; cháu Bùi Thị Yến Nhi, sinh ngày 16/9/2001 và cháu Bùi Văn Gia Hiệp, sinh ngày 22/5/2010.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Lời khai của nguyên đơn xác định: “... Hiện các con chung đều đang sống cùng vợ chồng chị D ...”. Đồng thời, tại “Biên bản lấy ý kiến con chung ngày 14/11/2024”, cháu Bùi Văn Gia Hiệp có trình bày: “...Nếu ba mẹ cháu không còn sống chung nhà với nhau nữa thì nguyện vọng của cháu là được tiếp tục sống cùng mẹ vì mẹ luôn quan tâm, chăm sóc và thương yêu chúng cháu...”. Như vậy, hiện các con chung đang sống cùng với chị D và chị D đảm bảo điều kiện chăm sóc cho con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Hiệp cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với cháu Bùi Thị Yến N và Bùi Thị Yến N hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị D hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chị D không yêu cầu nên tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị D xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự không tự thỏa thuận và có yêu cầu thì được quyền liên hệ với Tòa án có thẩm quyền để khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] **Về án phí:** Chị Văn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo:** Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 10, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Văn Thị D.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Văn Thị D và anh Bùi Thanh H được ly hôn.

2. *Về con chung:*

2.1. Giao cháu Bùi Văn Gia H, sinh ngày 22/5/2010 cho chị Văn Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Anh Bùi Thanh H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Tạm thời anh Bùi Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Văn Thị D không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Văn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0008255 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Văn Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất;
(GCNKH số 44/2002)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lan